



tái fǔ
台甫

noun · your esteemed name (polite)

Example Sentences

qǐng wèn tái fǔ
请问台甫?

May I ask your esteemed name?

xiān shēng tái fǔ rú hé chēng hū
先生台甫如何称呼?

How should I address your esteemed name, sir?

chū cì jiàn miàn gǎn wèn tái fǔ
初次见面，敢问台甫?

Meeting for the first time, may I dare ask your esteemed name?

Trace each character, then write the word on your own.

台	台	台	台	台	台	台	台								
甫	甫	甫	甫	甫	甫	甫	甫	甫	甫						